

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

**Xã Cửa Tùng**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán 2025				
		Xã Cửa Tùng	Cộng gộp giao thu từ các xã			
			Cửa Tùng	Hiên Thành	Vĩnh Giang	Kim Thạch
<b>A</b>	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>3.091</b>	<b>1.617</b>	<b>316</b>	<b>227</b>	<b>931</b>
	<i>Ngân sách địa phương được hưởng</i>	<i>2.104</i>	<i>962</i>	<i>250</i>	<i>159</i>	<i>733</i>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa trên địa bàn</b>	<b>3.091</b>	<b>1.617</b>	<b>316</b>	<b>227</b>	<b>931</b>
1	Thu XNQD địa phương	-				
2	Thu DN có vốn ĐTNN	-				
3	Thuế CTN & DV NQD	699	529	45	51	74
4	Lệ phí trước bạ	563	309	54	62	138
5	Thuế sử dụng đất phi NN	5	5	-	-	-
6	Thu tiền thuê đất	-	-	-		-
7	Thuế thu nhập cá nhân	1.157	716	80	78	283
8	Thu phí và lệ phí	132	48	27	26	31
	<i>- Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản</i>					
	<i>- Phí tham quan</i>					
9	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-		-
10	Thu khác	-				
	<i>Trong đó: Thu khác NSTW</i>					
	<i>Thu tiền và bảo vệ đất trồng lúa</i>					
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-				
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	535	10	110	10	405
13	Thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP được hưởng 100%					
<b>II</b>	<b>Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>-</b>
1	Thu tiền thuê đất	-		-		-
2	Thu phí tham quan					
3	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt					
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản					

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

**Xã Cửa Tùng**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm			Dự toán năm 2025 xã Cửa Tùng sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ chi	Số đã chi 6 tháng ngân sách huyện điều chỉnh qua xã trung tâm	
			Cửa Tùng	Hiên Thành	Vĩnh Giang	Kim Thạch				
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>40.138</b>	<b>11.073</b>	<b>9.650</b>	<b>7.422</b>	<b>11.994</b>	<b>94.364</b>	<b>94.364</b>	<b>-</b>	<b>134.502</b>
	Trong đó: NSDP được hưởng	39.151	10.418	9.585	7.353	11.795	94.364	94.364	-	133.515
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSDP trên địa bàn</b>	<b>3.091</b>	<b>1.617</b>	<b>316</b>	<b>227</b>	<b>931</b>				<b>3.091</b>
	Trong đó: NSDP được hưởng	2.104	962	250	159	733				2.104
1	Tiền cấp quyền sử dụng đất	-	-	-		-				-
	Trong đó NSDP hưởng	-								-
2	Các khoản thu cân đối còn lại	3.091	1.617	316	227	931				3.091
	Trong đó NSDP hưởng	2.104	962	250	159	733				2.104
<b>II</b>	<b>Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý</b>	<b>-</b>		<b>-</b>		<b>-</b>				<b>-</b>
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang</b>									
<b>IV</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>37.047</b>	<b>9.456</b>	<b>9.334</b>	<b>7.195</b>	<b>11.062</b>	<b>94.364</b>	<b>94.364</b>	<b>-</b>	<b>131.411</b>
1	Bổ sung cân đối	32.468	8.384	8.134	6.331	9.619	85.083	85.083	-	117.551
2	Bổ sung có mục tiêu	4.579	1.072	1.200	863	1.443	9.281	9.281	-	13.860
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>39.151</b>	<b>10.418</b>	<b>9.585</b>	<b>7.353</b>	<b>11.795</b>	<b>94.364</b>	<b>94.364</b>	<b>-</b>	<b>133.515</b>

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm			Dự toán năm 2025 xã Cửa Tùng sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ chi	Số đã chi 6 tháng ngân sách huyện điều chỉnh qua xã trung tâm	
			Cửa Tùng	Hiên Thành	Vĩnh Giang	Kim Thạch				
<b>I</b>	<b>Chi xây dựng cơ bản</b>	-	-	-		-				-
1	Vốn tập trung trong nước									
2	Vốn đầu tư từ nguồn SD đất	-	-	-		-				-
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên (1)</b>	<b>33.880</b>	<b>9.158</b>	<b>8.217</b>	<b>6.360</b>	<b>10.145</b>	<b>84.878</b>	<b>84.878</b>	-	<b>118.758</b>
	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	180	45	45	45	45	80.107	80.107		80.287
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>692</b>	<b>187</b>	<b>168</b>	<b>130</b>	<b>207</b>	<b>649</b>	<b>649</b>		<b>1.341</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung có mục tiêu</b>	<b>4.579</b>	<b>1.072</b>	<b>1.200</b>	<b>863</b>	<b>1.443</b>	<b>8.837</b>	<b>8.837</b>	-	<b>13.416</b>
1	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	2.758	690	563	436	1.070	8.708	8.708		11.466
2	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	1.821	383	638	428	373	129	129		1.950

(1) Bao gồm số tiết kiệm chi 7 tháng còn lại theo Nghị quyết số 173/NQ-CP: 464 triệu đồng

**BỔ SUNG TĂNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

**Xã Cửa Tùng**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Dự toán chi thường xuyên	Dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ có mục tiêu, chính sách an sinh xã hội
<b>A</b>	<b>Điều chỉnh tăng dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã</b>	<b>84.878</b>	<b>81.571</b>	<b>3.308</b>
<b>I</b>	<b>Sự nghiệp giáo dục (1)</b>	<b>81.151</b>	<b>79.818</b>	<b>1.334</b>
1	Trường Mầm non Kim Thạch	8.604	8.604	
2	Trường Mầm non Vĩnh Giang	4.662	4.662	
3	Trường Mầm non Cửa Tùng	7.363	7.363	
4	Trường Mầm non Hiền Thành	5.830	5.830	
5	Trường TH Hiền Thành	6.468	6.468	
6	Trường TH Cửa Tùng	12.267	12.267	
7	Trường TH Vĩnh Giang	4.854	4.854	
8	Trường TH Kim Thạch	7.735	7.735	
9	Trường THCS Kim Thạch	5.643	5.643	
10	Trường THCS Cửa Tùng	11.228	11.228	
11	Trường THCS Hiền Thành	4.962	4.962	
12	Chính sách ASXH	1.334		1.334
13	Đào tạo và đào tạo lại	20	20	
14	Kinh phí chung chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	182	182	
<b>II</b>	<b>Sự nghiệp y tế</b>	<b>72</b>	<b>0</b>	<b>72</b>
1	BHYT cho đối tượng BTXH	72	0	72
<b>III</b>	<b>Sự nghiệp đảm bảo xã hội</b>	<b>1.902</b>	<b>0</b>	<b>1.902</b>
1	Kinh phí trợ cấp thường xuyên các đối tượng BTXH theo ND số 20/2020/ND-CP của Chính phủ	1.748	0	1.748
2	Chính sách hỗ trợ đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	0	0	0
3	KP hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các đối tượng CS	86	0	86
4	Kinh phí chung chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	69		69
<b>IV</b>	<b>Các nhiệm vụ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể, an ninh quốc phòng và các nhiệm vụ khác</b>	<b>1.753</b>	<b>1.753</b>	
<b>B</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>649</b>	<b>649</b>	
<b>C</b>	<b>Bổ sung có mục tiêu</b>	<b>8.837</b>		<b>8.837</b>

(1) Dự toán giao các trường chuyển giao nguyên trạng từ dự toán giao đầu năm và bổ sung mục tiêu trong năm

**CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

**Xã Cửa Tùng**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.532</b>
<b>1</b>	<b>Các chế độ, chính sách TW</b>	<b>10.532</b>
<b>1.1</b>	<b>SN Giáo dục - Đào tạo</b>	<b>1.179</b>
1.1.1	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	116
1.1.2	Kinh phí thực hiện chính sách theo TTLT số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC năm 2024	128
1.1.3	Kinh phí thực hiện chính sách 81/2021/NĐ-CP	935
<b>1.2</b>	<b>SN Y tế</b>	<b>518</b>
1.2.2	BHYT cho đối tượng BTXH	518
<b>1.3</b>	<b>SN đảm bảo xã hội</b>	<b>8.835</b>
1.3.1	Kinh phí trợ cấp thường xuyên các đối tượng BTXH theo NĐ số 20/2020/NĐ-CP của Chính phủ	8.749
1.3.2	Chính sách hỗ trợ đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	-
1.3.3	KP hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách	86
<b>2</b>	<b>Các chế độ, chính sách địa phương</b>	<b>155</b>
2.1	Kinh phí thực hiện chính sách theo NQ 106/2021/NQ-HĐND	155

(1) Kinh phí thực hiện các chính sách sự nghiệp kinh tế đã giao dự toán cho các xã từ đầu năm

**DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025***(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)***Xã Cửa Tùng**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm			Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Cộng	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ	Số đã chi chuyển qua xã trung tâm	
			Cửa Tùng	Vĩnh Giang	Hiền Thành	Kim Thạch				
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.821</b>	<b>383</b>	<b>428</b>	<b>638</b>	<b>373</b>	<b>129</b>	<b>129</b>	<b>-</b>	<b>1.950</b>
<b>I</b>	<b>Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững</b>	<b>1.455,8</b>	<b>382,7</b>	<b>357,7</b>	<b>357,7</b>	<b>357,7</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.455,8</b>
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	800	200	200	200	200	-			800
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	88	22	22	22	22	-			88
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	404	101	101	101	101	-			404
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	55,0	32,5	7,5	7,5	7,5	-			55
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	108,8	27,2	27,2	27,2	27,2	-			108,8
<b>II</b>	<b>Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới</b>	<b>365</b>	<b>-</b>	<b>70</b>	<b>280</b>	<b>15</b>	<b>129</b>	<b>129</b>	<b>-</b>	<b>494</b>
1	Thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKT nông thôn; triển khai CT mỗi xã một SP (OCOP).....	-					90	90		90

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm			Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Cộng	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ	Số đã chi chuyển qua xã trung tâm	
			Cửa Tùng	Vĩnh Giang	Hiền Thành	Kim Thạch				
2	Thành phần số 06. Nâng cao chất lượng đời sống VH của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị VH truyền thống....	300		60	240		-			300
3	Thành phần số 07. Nâng cao chất lượng MT; xây dựng cảnh quan NT sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn....	25			25		-			25
4	Thành phần số 08. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các DV hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở....	40		10	15	15	-			40
5	Thành phần số 11. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông về xây dựng nông thôn mới...	-					39	39		39